



Số: 38823/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước uống đóng chai Clara pH 8.5
2. Mã số mẫu: 05268162/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CLARA
Địa chỉ: Lô CN 21-B Cụm Công nghiệp Tiên Tiến, Xã Thịnh Minh,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 18/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 18/05/2026 - 29/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai, 500 mL/chai, thông tin mẫu viết tay dán trên chai.
Số lượng: 6. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Cyanid	NIFC.04.M.068 (HPLC)	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.2*	Hàm lượng Arsen	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.3*	Hàm lượng Bari	TCVN 13092:2020	mg/L	0,012
9.4*	Hàm lượng Bor	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.5*	Hàm lượng Bromat	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.6*	Hàm lượng Cadmi	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.7*	Hàm lượng Canxi (Ca ²⁺)	TCVN 13092:2020	mg/L	4,73
9.8*	Hàm lượng Chì	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.9*	Hàm lượng Clor	NIFC.03.M.33	mg/L	KPH (LOD: 0,10)
9.10*	Hàm lượng Clorat	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.11*	Hàm lượng Clorit	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.12*	Hàm lượng Crom	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,0003)
9.13*	Hàm lượng Đồng	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,0015)
9.14*	Hàm lượng Fluorid	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,08)
9.15*	Hàm lượng Kali (K ⁺)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,52
9.16*	Hàm lượng Magie (Mg ²⁺)	TCVN 13092:2020	mg/L	4,37



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.17*	Hàm lượng Mangan	TCVN 13092:2020	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,001)
9.18*	Hàm lượng Molybden	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,0003)
9.19*	Hàm lượng Natri (Na ⁺)	TCVN 13092:2020	mg/L	1,15
9.20*	Hàm lượng Nickel	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.21*	Hàm lượng Nitrat, tính theo ion Nitrat	NIFC.03.M.22 (IC)	mg/L	< LOQ (LOQ: 1,0)
9.22*	Hàm lượng Nitrit, tính theo ion Nitrit	NIFC.03.M.27 (IC)	mg/L	KPH (LOD: 0,003)
9.23*	Hàm lượng Selen	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.24*	Hàm lượng Stibi	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.25*	Hàm lượng Thủy ngân	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025;

(a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method;

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method;

POD - Khả năng phát hiện/ Probability of detection.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là < 1 CFU/mL (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc < 10 CFU/g (với LOD: 10 CFU/g)/ Quantitative results reported as "microorganisms not detected" shall be expressed as < 1 CFU/mL (with a LOD of 1 CFU/mL) or < 10 CFU/g (with a LOD of 10 CFU/g);

Kết quả định lượng "có mặt vi sinh vật nhưng ít hơn 4 CFU/mL hoặc 40 CFU/g" được biểu thị là $0 < x < 4$ CFU/mL hoặc $0 < x < 40$ CFU/g với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g/ Quantitative results reported as "microorganisms present but less than 4 CFU/mL or 40 CFU/g" shall be expressed as $0 < x < 4$ CFU/mL or $0 < x < 40$ CFU/g, where "x" is the quantitative result for microorganisms within the range of greater than 0 and less than 4 CFU/mL, or greater than 0 and less than 40 CFU/g.

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/ khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/ khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Customer could request appeals/complaints about the results in case storing samples available and within 7 days from receiving date of the test report; Appeals/complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA

VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung



Số: 38824/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

- Tên mẫu: Nước uống đóng chai Clara pH 8.5
- Mã số mẫu: 05268162/DV.1
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CLARA
Địa chỉ: Lô CN 21-B Cụm Công nghiệp Tiên Tiến, Xã Thịnh Minh,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 18/05/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 18/05/2026 - 29/05/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai, 500 mL/chai, thông tin mẫu viết tay dán trên chai.
Số lượng: 6. NSX: Không có - HSD: Không có
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	Vi khuẩn/50 mL	< 1
9.2*	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	Vi khuẩn/250 mL	< 1
9.3*	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2019	Vi khuẩn/250 mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	Vi khuẩn/250 mL	< 1
9.5*	<i>Streptococci fecal</i>	TCVN 6189-2:2009	Vi khuẩn/250 mL	< 1

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025;

(a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method;

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method;

POD - Khả năng phát hiện/ Probability of detection.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là < 1 CFU/mL (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc < 10 CFU/g (với LOD: 10 CFU/g)/ Quantitative results reported as "microorganisms not detected" shall be expressed as < 1 CFU/mL (with a LOD of 1 CFU/mL) or < 10 CFU/g (with a LOD of 10 CFU/g);

Kết quả định lượng "có mặt vi sinh vật nhưng ít hơn 4 CFU/mL hoặc 40 CFU/g" được biểu thị là $0 < x < 4$ CFU/mL hoặc $0 < x < 40$ CFU/g với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g/ Quantitative results reported as "microorganisms present but less than 4 CFU/mL or 40 CFU/g" shall be expressed as $0 < x < 4$ CFU/mL or $0 < x < 40$ CFU/g, where "x" is the quantitative result for microorganisms within the range of greater than 0 and less than 4 CFU/mL, or greater than 0 and less than 40 CFU/g.

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/ khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/ khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/



Customer could request appeals/complaints about the results in case storing samples available and within 7 days from receiving date of the test report;
Appeals/complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIÊN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung



VILAS 203



Số: 56167/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước uống đóng chai Clara pH8.5
2. Mã số mẫu: 072612702/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CLARA
Địa chỉ: Lô CN 21-B Cụm Công nghiệp Tiên Tiến, Xã Thịnh Minh
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 14/07/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 14/07/2026 - 20/07/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai, 500 mL/chai, thông tin mẫu viết tay dán trên chai.
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Chỉ tiêu Hóa Lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	pH	TCVN 6492:2011	-	8,22

10. Ghi chú:

- 10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.
10.2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.
10.3. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.
10.4. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



TS. Vũ Thị Trang